

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2021/DS-ST

Ngày: 14 - 04 - 2021

Về việc: “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh và bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 81/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020, về việc “Đòi lại tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 23 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hội cựu chiến binh thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1960 – Hội trưởng

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 – Hội phó.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh T.

Theo giấy ủy quyền của các thành viên Hội cựu chiến binh thôn Q, xã Đ ngày 9/11/2020.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Hội cựu chiến binh thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh T gồm có các thành viên của cựu chiến binh thôn tham gia sinh hoạt. Khi sinh hoạt hội, các thành viên đã tự nguyện đóng góp để tạo ra nguồn quỹ, nguồn quỹ này sẽ cho các hội viên khó khăn trong hội vay, thời hạn vay nhiều nhất là 1 năm. Theo nghị quyết của hội cựu chiến binh thôn cứ đến cuối tháng 6 hằng năm (vào đợt sơ kết 6 tháng đầu năm) thì những người vay phải thanh toán tiền gốc và lãi, sau đó nếu có nhu cầu vay tiếp hội sẽ xem xét. Việc cho ai vay, vay bao nhiêu tiền là do Chi hội trưởng và Chi hội phó của hội cựu chiến binh thôn quyết định và

sẽ báo cáo cho các hội viên vào đợt sơ kết 6 tháng hằng năm, đồng thời Hội trưởng và Hội phó cũng là người thay mặt hội thu tiền và theo dõi số tiền quỹ của Hội.

Vào những năm 2000, ông Nh là hội viên Hội Cựu chiến binh thôn Q, xã Đ, huyện T có vay của hội bằng lúa, số lượng cụ thể các ông không nhớ được (vì thời đó các ông chỉ là hội viên, việc vay mượn không có giấy tờ). Từ những năm 2000, ông Nh là người được Hội cho vay hằng năm. Đến ngày 12/9/2011 khi ông K lên làm Hội trưởng hội cựu chiến binh thôn thì hai bên có tính toán các lần vay và quy từ lúa bằng số tiền cụ thể là 1.860.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) và lập thành " hợp đồng vay tiền quỹ Hội cựu chiến binh", có chữ ký của bên vay là ông Nh và đại diện của Hội cựu chiến binh thôn ông Nguyễn Đình K là Chi hội trưởng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/ tháng, ông Nh phải trả số tiền gốc và lãi suất cho Hội vào ngày 30/6/2012. Nhưng đến hạn ông Nh không chấp hành đúng như trong hợp đồng cam kết, mãi đến năm 2014 ông Nh mới trả được số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Số nợ còn lại, vào trung tuần tháng 6 hằng năm đều được ông N là chi hội phó đến nhà ông Nh đòi nợ, nhưng đến tháng 6 năm 2018 ông Nh lại nói đã trả cho ông K rồi, không còn nợ hội cựu chiến binh đồng nào nữa. Rất nhiều lần Hội cựu Chiến binh thôn Q, xã Đ, huyện T đã đưa ra cuộc họp và cũng đã được UBND xã hòa giải nhưng không có kết quả. Ông K và ông N đều khẳng định hiện nay ông Nh chưa trả được thêm đồng nào, việc ông Nh trả lời với ông N và những người trong hội cựu chiến binh là đã trả cho ông K hết số tiền lãi và gốc rồi là không đúng, bịa đặt, không có giấy tờ và chứng cứ để chứng minh. Ông K và ông N thống nhất số tiền ông Nh đã trả vào năm 2014 được 500.000đ là số tiền lãi của số tiền gốc 1.860.000 (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) mà ông Nh ký hợp đồng vay từ ngày 12/9/2011. Tại đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Nh phải trả số tiền gốc 1.860.000đ và lãi 3.984.000đ. Ngày 22/12/2020 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi . Đề nghị Tòa án buộc ông Nh phải trả số tiền gốc còn nợ lại là 1.860.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại phiên Tòa, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng. Tại bản tự khai ngày 04 tháng 12 năm 2020 bị đơn là ông Nguyễn Văn Nh trình bày: Năm 2000 ông vay của Hội cựu chiến binh thôn Q, xã Đ số tiền 1.860.000đ, lãi suất 1,5%/ tháng. Đến năm 2011, ông và ông K (hội trưởng hội CCB thôn Q, Đ) đã chốt số tiền vay trên bằng hợp đồng, thời hạn trả cả gốc và lãi là 30/6/2012. Đến năm 2014 (không nhớ rõ ngày, tháng) ông Nh đã đến nhà ông K để trả hết số tiền nợ mà ông vay của Hội cựu chiến binh thôn cho ông K (thời điểm đó ông K là hội trưởng nên thay mặt hội thu tiền gốc và lãi của hội viên), khi ông trả tiền cho ông K, hai bên không viết giấy tờ gì, không có người làm chứng, ông K là người trực tiếp nhận tiền từ ông Nh. Đến năm 2017, ông N là hội phó hội CCB thôn lại đến nhà ông Nh để đòi tiền gốc và lãi, rất nhiều lần ông Nh trả lời đã trả nợ rồi, nhưng ông K và ông N vẫn tiếp tục thay mặt Hội viên đòi nợ ông nhiều lần. Nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông phải trả số tiền 1.860.000đ (một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) ông không đồng ý, vì số tiền vay trên ông đã trả cho ông K vào năm 2014 rồi.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho ông Nh, nhưng ông Nh không đến Tòa án, không có lý do, nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Nh trả nợ 1.860.000đ (một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo giấy vay nợ hai bên đã ký kết vào ngày 12/9/2011. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Nguyễn Văn Nh đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng ông Nh không đến Tòa án, không có lý do, như vậy là từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 12/9/2011, ông Nguyễn Văn Nh là hội viên hội Cựu chiến binh thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh T có vay của Hội cựu chiến binh thôn số tiền 1.860.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,5%/ tháng, ông Nh phải trả số tiền gốc và lãi suất cho Hội vào ngày 30/6/2012. Việc vay nợ giữa hai bên được thể hiện tại hợp đồng vay tiền quỹ Hội cựu chiến binh (CCB) ngày 12/9/2020 có chữ ký của ông Nguyễn Văn Nh và ông Nguyễn Đình K (ông K là chi hội trưởng hội CCB thôn). Nay người đại diện theo ủy quyền của các hội viên Hội CCB thôn Q yêu cầu ông Nh phải trả số tiền gốc là 1.860.000đ (một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Xét việc yêu cầu thì thấy bản chất của vụ án là " hợp đồng vay tài sản", thời hạn bị đơn phải trả nợ là ngày 30/6/2012, nhưng bị đơn không trả nợ như đã thỏa thuận, đến năm 2020 nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi, ngày 22/12/2020 người đại diện theo ủy quyền có đơn xin rút phần tiền lãi, không yêu cầu ông Nh trả tiền lãi, chỉ yêu cầu trả khoản tiền gốc đã vay. Theo quy định tại (Điều 159 Bộ luật Dân sự năm 2005) nay là Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng đã hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện vì xác định đây là "đòi lại tài sản". Vì vậy nguyên đơn có quyền đòi lại số tiền 1.860.000đ tiền gốc. Như vậy yêu cầu của Hội cựu chiến binh thôn Q có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Nguyễn Văn Nh cho rằng vào năm 2014 (không nhớ rõ ngày, tháng) ông Nh đã đến nhà ông K để trả hết số tiền nợ mà ông vay của Hội cựu chiến binh thôn cho ông K (thời điểm đó ông K là hội trưởng nên thay mặt hội thu tiền gốc và lãi

của hội viên), nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình, ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy có căn cứ để Hội đồng xử chấp nhận buộc ông Nh phải trả cho Hội cựu chiến binh thôn Q, xã Đ, huyện T tổng số tiền gốc 1.860.000đ (một triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ông Nguyễn Đình K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 159 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015) ; Điều 463, Điều 466 của bộ luật Dân sự; Khoản 2; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm a, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Xử;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Hội cựu chiến binh thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh T.
- Buộc ông Nguyễn Văn Nh phải có trách nhiệm trả cho Hội cựu chiến binh thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh T số tiền 1.860.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: ông Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Trả lại cho ông K số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0004227 ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Anh Ngô Thị Mai

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Long Trần Đình Nam

Lê Thị Thủy

